

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ I NĂM 2011**

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO : CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

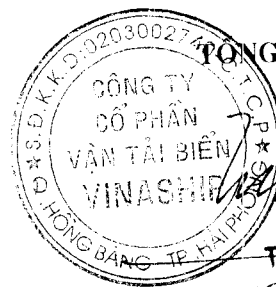
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM 2011**

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01a-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ I NĂM 2011	1-2
2	B02a-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ I NĂM 2011	3-3
3	B03a-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ I NĂM 2011	4-4
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ I NĂM 2011	5-12

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Cao Minh Tuấn*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu số : B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 03 năm 2011*

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2011 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2011 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>161.656.944.627</b>	<b>133.769.336.789</b>
<b>I - Tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>18.463.421.713</b>	<b>20.082.077.511</b>
1 - Tiền	111		16.463.421.713	18.082.077.511
2 - Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	2.000.000.000
<b>II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	-	-
1 - Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III - Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>42.518.710.347</b>	<b>39.987.807.619</b>
1 - Phải thu của khách hàng	131		32.141.126.041	29.633.665.559
2 - Trả trước cho người bán	132		2.211.441.416	6.445.113.411
3 - Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4 - Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5 - Các khoản phải thu khác	135		8.261.972.890	4.004.858.649
6 - Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(95.830.000)	(95.830.000)
<b>IV - Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>52.459.106.836</b>	<b>34.530.554.570</b>
1 - Hàng tồn kho	141		52.459.106.836	34.530.554.570
<b>V - Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>48.215.705.731</b>	<b>39.168.897.089</b>
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.470.964.564	2.579.389.180
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		31.253.424.397	1.708.673.750
3 - Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		-	-
5 - Tài sản ngắn hạn khác	158		9.491.316.770	34.880.834.159
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>1.335.399.576.693</b>	<b>1.045.643.859.827</b>
<b>I - Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
2 - Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3 - Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
<b>II - Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.288.023.900.574</b>	<b>1.032.095.491.307</b>
1 - Tài sản cố định hữu hình	221		1.288.021.226.414	1.031.966.311.834
- Nguyên giá	222		1.831.695.183.836	1.565.649.919.432
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(543.673.957.422)	(533.683.607.598)
3 - Tài sản cố định vô hình	227		2.674.160	3.676.973
- Nguyên giá	228		116.699.500	116.699.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(114.025.340)	(113.022.527)
4 - Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	125.502.500
<b>III - Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		5.812.037.477	5.812.037.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(5.812.037.477)	(5.812.037.477)
<b>IV - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.656.548.520</b>	<b>13.548.368.520</b>
3 - Đầu tư dài hạn khác	258		22.280.507.645	22.172.327.645
4 - Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(8.523.959.125)	(8.623.959.125)
<b>V - Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.719.127.599</b>	-
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261		33.719.127.599	-
3 - Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270 = 100 + 200 )</b>	<b>270</b>		<b>1.497.056.521.320</b>	<b>1.179.413.196.616</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2011	NGÀY 01/01/2011
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	4
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300 = 310 + 330 )</b>	<b>300</b>		<b>1.138.165.206.239</b>	<b>828.349.391.517</b>
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>361.630.609.855</b>	<b>318.055.026.055</b>
1 - Vay và nợ ngắn hạn	311		200.041.581.493	183.231.842.123
2 - Phải trả người bán	312		89.093.345.706	47.093.869.956
3 - Người mua trả tiền trước	313		11.681.201.436	12.278.669.589
4 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		3.228.878.682	9.134.656.586
5 - Phải trả công nhân viên	315		18.432.701.835	27.022.663.233
6 - Chi phí phải trả	316		9.113.562.688	4.807.782.977
7 - Phải trả nội bộ	317		-	-
9 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		26.675.589.772	30.255.264.958
11 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.363.748.243	4.230.276.633
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>776.534.596.384</b>	<b>510.294.365.462</b>
2 - Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3 - Phải trả dài hạn khác	333		4.750.214.133	16.919.450.861
4 - Vay và nợ dài hạn	334		771.129.047.561	492.654.057.561
6 - Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		655.334.690	720.857.040
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400 = 410 + 430 )</b>	<b>400</b>		<b>358.891.315.081</b>	<b>351.063.805.099</b>
<b>I - Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>358.891.315.081</b>	<b>351.063.805.099</b>
1 - Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2 - Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
7 - Quỹ đầu tư phát triển	417		64.244.999.415	64.244.999.415
8 - Quỹ dự phòng tài chính	418		7.681.887.070	7.681.887.070
9 - Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		86.964.428.596	79.136.918.614
<b>II - Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440 = 300 + 400 )</b>	<b>440</b>		<b>1.497.056.521.320</b>	<b>1.179.413.196.616</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/03/2011	NGÀY 01/01/2011
			TOÀN CÔNG TY	TOÀN CÔNG TY
1 - Tài sản thuê ngoài				
4 - Nợ khó đòi đã xử lý ( VND)			303.509.700	303.509.700
5 - Ngoại tệ các loại ( USD)			344.219,09	450.925,31

NGƯỜI LẬP BIỂU

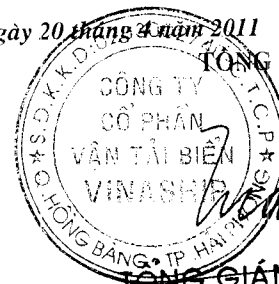
Trần Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vương Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Cao Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu số : B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ I NĂM 2011**

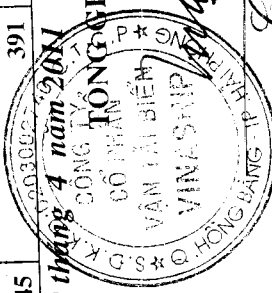
Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ I		LƯY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ I NĂM 2011	QUÝ I NĂM 2010	NĂM 2011	NĂM 2010
			4	5	6	7
1	2	3	234.687.137.185	254.157.042.918	234.687.137.185	254.157.042.918
1 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01					
2 - Các khoản giảm trừ	02					
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 10 = 01 - 02 )	10		234.687.137.185	254.157.042.918	234.687.137.185	254.157.042.918
4 - Giá vốn hàng bán	11		199.244.123.614	212.753.274.032	199.244.123.614	212.753.274.032
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ ( 20 = 10 - 11 )	20		35.443.013.571	41.403.768.886	35.443.013.571	41.403.768.886
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.934.866.034	573.909.446	2.934.866.034	573.909.446
7 - Chi phí tài chính	22		26.886.699.492	13.161.881.918	26.886.699.492	13.161.881.918
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		12.131.456.091	8.151.036.075	12.131.456.091	8.151.036.075
8 - Chi phí bán hàng	24		5.104.950.479	4.531.468.821	5.104.950.479	4.531.468.821
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.864.197.984	7.243.492.213	6.864.197.984	7.243.492.213
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(477.968.350)	17.040.835.380	(477.968.350)	17.040.835.380
30 = 20 + ( 21 - 22 ) - ( 24 + 25 )						
11 - Thu nhập khác	31		27.674.577.650	252.801	27.674.577.650	252.801
12 - Chi phí khác	32		16.966.032.262	3.540.478	16.966.032.262	3.540.478
13 - Lợi nhuận khác ( 40 = 31 - 32 )	40		10.708.545.388	(3.287.677)	10.708.545.388	(3.287.677)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế ( 50 = 30 + 40 )	50		10.230.577.038	17.037.547.703	10.230.577.038	17.037.547.703
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.403.067.056	2.129.693.463	2.403.067.056	2.129.693.463
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 60 = 50 - 51 - 52 )	60		7.827.509.982	14.907.854.240	7.827.509.982	14.907.854.240
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		391	745	391	745

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2011



*Cao Minh Tuấn*  
TỔNG GIÁM ĐỐC

*Ưng*

Vương Ngọc Sơn

Trần Thị Thanh Hương

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

Mẫu số : B03a-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
( Theo phương pháp trực tiếp )  
**QUÝ I NĂM 2011**

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm	
			QUÝ I NĂM 2011	QUÝ I NĂM 2010
1	2	3	4	5
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		215.880.738.595	235.233.312.365
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(126.207.001.766)	(153.605.909.059)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(33.972.049.990)	(25.481.245.927)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(12.879.936.369)	(12.758.885.116)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		(7.972.975.197)	(5.125.958.754)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		56.154.055.174	6.312.062.638
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(97.500.526.305)	(19.662.129.466)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>(6.497.695.858)</b>	<b>24.911.246.681</b>
<b>II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(275.585.297.657)	(256.504.272.905)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		30.442.035.000	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(108.180.000)	-
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		886.410.213	80.881.266
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(244.365.032.444)</b>	<b>(256.423.391.639)</b>
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		317.432.872.300	263.495.263.442
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(68.805.585.809)	(84.664.457.290)
5 - Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(400.000)	(64.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>248.626.886.491</b>	<b>178.766.206.152</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ ( 50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(2.235.841.811)</b>	<b>(52.745.938.806)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>20.082.077.511</b>	<b>77.548.960.147</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		617.186.013	1.265.967.499
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ ( 70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>18.463.421.713</b>	<b>26.068.988.840</b>

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*[Signature]*

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2011  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
 HỒNG BÀNG - HẢI PHÒNG  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*[Signature]*  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Cao Minh Tuấn**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ I NĂM 2011**

**I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51%**

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam  
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2011, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ , quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

XN xếp dỡ dịch vụ và vận tải tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 31/03/2011, Công ty tổng số cán bộ công nhân viên là 1037 người.

**2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển**

**3- Ngành nghề kinh doanh :**

- Kinh doanh vận tải biển;

- Đại lý hàng hải, môi giới và thuê tàu;

- Đại lý vận tải, giao nhận thu gom hàng hoá;

- Kinh doanh kho bãi, khai thác cầu cảng, xếp dỡ hàng hoá;

- Dịch vụ khai thuế hải quan;

- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;

- Hoạt động chuyên doanh đưa người lao động và chuyên gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Cho thuê văn phòng và kinh doanh khách sạn.

**4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong quý I năm 2011 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :**

Về nguồn hàng : Nguồn hàng vận tải thấp. Giá cước dao động ở mức thấp.

Về thị trường nguyên, nhiên, vật liệu đều biến động. Giá nhiên liệu tăng 20% so với năm 2010. Các chi phí đầu vào như vật tư, nguyên liệu, nhân công, sửa chữa và các dịch vụ... tăng làm cho giá thành vận tải tăng lên.

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

---

Trong quý I năm 2011, thời gian nghỉ Tết nguyên đán kéo dài, thời tiết không thuận lợi, gió mùa nhiều làm ảnh hưởng đến thời gian xếp dỡ tại các đầu bến và bảo quản hàng hoá trong vận chuyển.

Trong quý I năm 2011 Công ty đã hoàn tất mua tàu Vinaship Star trọng tải 24.000 DWT, đã nhận tàu này vào ngày 14/3/2011.

Trong quý I năm 2011 Công ty đã bán tàu Chương Dương , bàn giao cho người mua vào ngày 18/3/2011.

### **II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :**

**1- Kỳ kế toán năm :** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý I năm 2011 bắt đầu từ ngày 01/01/2011 đến 31/03/2011.

**2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :** Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

### **III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Chế độ kế toán áp dụng :** Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

**3- Hình thức kế toán áp dụng :**

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Nhật ký chung

### **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :**

**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua đến thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam theo tỷ giá hạch toán. Đối với nghiệp vụ liên quan đến thu nhập, chi phí, mua bán vật tư, hàng hoá, TSCĐ hàng tháng đơn vị ghi sổ theo tỷ giá xấp xỉ bình quân tỷ giá giao dịch



# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

---

bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước công bố của tháng đó. Nếu có chênh lệch giữa tỷ giá thực tế và tỷ giá hạch toán thì phản ánh số chênh lệch lỗ vào chi phí tài chính, lãi vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại số dư các khoản tiền, các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại ngày kết thúc quý, năm. Xử lý chênh lệch tỷ giá theo VAS 10.

### **2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :**

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo CM kế toán số 02

### **3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :**

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

### **4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :**

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC – 30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 203/2009/TT- BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính.

### **5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ – Hồng Bàng – Hải phòng  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

---

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

**6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :**

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay : Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

**7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :**

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

**8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :**

Chi phí thực tế chưa phát sinh, nhưng được tính trước vào chi phí hoạt động SXKD kỳ này cho các đối tượng chịu chi phí để đảm bảo khi chi phí thực tế phát sinh không gây đột biến cho chi phí SXKD.

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn : Công ty trích chi phí sửa chữa lớn cho đội tàu biển của Công ty. Công ty xây dựng dự tính mức chi phí sửa chữa 1 lần lên đà ( 2,5 năm 1 lần). Sau đó tính trích chi phí sửa chữa cho 1 năm. Sau 3 năm sẽ quyết toán số chi phí sửa chữa lớn đã trích và số thực tế đã phát sinh. Theo chu kỳ mới, năm 2010 công ty bắt đầu trích sửa chữa lớn đội tàu và quyết toán vào năm 2012.

- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm : Cuối năm 2010, Công ty trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm bằng 1% tổng quỹ lương cấp bậc theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài Chính.

**9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :**

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán.

**10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :**

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Theo chuẩn mực kế toán số 10.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : Cuối kỳ kế toán tháng, chênh lệch giữa doanh thu và thu nhập trừ đi chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

**11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :**

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng , được người mua chấp nhận thanh toán.
- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :
  - + Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.
  - + Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.
  - + Lãi chuyển nhượng chứng khoán.
  - + Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.
  - + Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày cuối quý, năm.

**12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :**

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ theo VAS10 tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

**13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :** theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

**14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011

**V- CÁC SỰ KIỆN GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN QUÝ I NĂM 2011 :**

**1- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	5	6
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	64.244.999.415	7.681.887.070	38.890.392.628	310.817.279.113
Tăng năm trước					
- Lãi trong năm 2010				40.573.949.617	40.573.949.617
- Phân phối lợi nhuận năm 2010				(202.313.287)	(202.313.287)
- Phân phối lợi nhuận năm trước				(125.110.344)	(125.110.344)
- Giảm khác					
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	64.244.999.415	7.681.887.070	79.136.918.614	351.063.805.099
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	64.244.999.415	7.681.887.070	79.136.918.614	351.063.805.099
Tăng năm nay					
- Tăng vốn trong năm nay					
- Lãi quý I năm 2011				7.827.509.982	7.827.509.982
- Giảm khác					
Số dư ngày 31/03/2011	200.000.000.000	64.244.999.415	7.681.887.070	86.964.428.596	358.891.315.081

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

**2- Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :**

STT	Các hoạt động	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
1	<b>Vận tải biển</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	201.879.431.456	234.528.346.963
	- Chi phí	179.791.074.753	205.709.680.836
	- Lợi nhuận	22.088.356.703	28.818.666.127
2	<b>Hoạt động xếp dỡ giao nhận container</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.788.451.211	1.699.695.129
	- Chi phí	1.777.722.378	1.687.875.762
	- Lợi nhuận	10.728.833	11.819.367
3	<b>Hoạt động DV nâng hạ Container</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	4.091.684.516	2.862.868.366
	- Chi phí	3.438.571.956	2.507.271.348
	- Lợi nhuận	653.112.560	355.597.018
4	<b>Hoạt động Đại lý tàu biển</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	15.174.545	
	- Chi phí	0	0
	- Lợi nhuận	15.174.545	0
5	<b>Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	22.287.466.813	12.999.210.173
	- Chi phí	22.152.252.980	12.980.493.898
	- Lợi nhuận	135.213.833	18.716.275
6	<b>Đại lý giao nhận, vận tải hàng lẻ</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	479.333.104	
	- Chi phí	508.801.722	
	- Lợi nhuận	(29.468.618)	0
7	<b>Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	474.408.982	452.454.438
	- Chi phí	21.580.000	143.055.070
	- Lợi nhuận	452.828.982	309.399.368
8	<b>Hoạt động thương mại</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	2.317.709.090	1.565.410.128
	- Chi phí	2.190.900.076	1.454.193.281
	- Lợi nhuận	126.809.014	111.216.847
9	<b>Hoạt động SXKD khác</b>		
	- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.353.477.468	49.057.721
	- Chi phí	1.332.368.212	45.664.871
	- Lợi nhuận	21.109.256	3.392.850

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho Quý I năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2011

STT	Các hoạt động	Quý I năm 2011	Quý I năm 2010
10	<b>Hoạt động tài chính</b>		
	- Doanh thu tài chính	2.934.866.034	573.909.446
	- Chi phí tài chính	26.886.699.492	13.161.881.918
	- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(23.951.833.458)	(12.587.972.472)
11	<b>Hoạt động khác</b>		
	- Thu nhập hoạt động khác	27.674.577.650	252.801
	- Chi phí hoạt động khác	16.966.032.262	3.540.478
	- Lợi nhuận từ hoạt động khác	10.708.545.388	(3.287.677)

3- Số liệu so sánh :

4- Các thông tin khác phát sinh sau ngày khoá sổ kế toán giữa niên độ :

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trần Thị Thanh Hương

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Vương Ngọc Sơn

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC  
Cao Minh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số: 209 /CV-CBTT

V/v Giải trình KQSXKD quý I năm 2011

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 4 năm 2011

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

Căn cứ quy định tại điểm 1.2.2, mục IV, Thông tư số 09/2010/TT-BTC về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với doanh nghiệp niêm yết, Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship (Mã CK: VNA) xin được giải trình biến động kết quả kinh doanh quý I năm 2011 so với quý I năm 2010 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2011 : 7.827.509.982 đồng
- Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2010: 14.907.854.240 đồng

Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2011 giảm 47,5% so với lợi nhuận sau thuế quý I năm 2010 vì những lý do sau:

Do ảnh hưởng của những biến động kinh tế toàn cầu nên nhu cầu vận chuyển hàng hoá giảm dẫn đến giá cước vận tải giảm, cụ thể giá cước vận tải đường biển bình quân của quý I năm 2011 giảm 30% so với quý I năm 2010 cộng với chi phí lãi vay trong quý 1 này tăng cao cho nên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh quý 1 năm 2011 đã lỗ 477.968.350 đồng, giảm 102,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong quý 1 năm 2011 này, Công ty đã giao dịch bán thanh lý thành công tàu Chương Dương do tàu đã quá cũ, khai thác không hiệu quả, hạch toán thu nhập khác tăng 27.674.577.650 đồng.

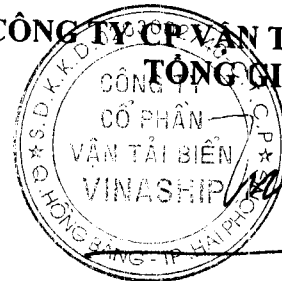
Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship kính trình Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh được biết.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu Đầu tư Đối ngoại

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Cao Minh Tuấn**